TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ - ST
Ngày 14 tháng 6 năm 2024
"V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trường Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông.
2. Ông Nguyễn Ngọc Triển.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Hồng N, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh V (có mặt).

- Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1986; HKTT: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh V; chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Đỗ Hồng N trình bày:

Chị và anh Trương Văn T kết hôn ngày 18/12/2009 và có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh V. Việc chị và anh T kết hôn là tự nguyện không bị đe dọa hay cưỡng ép kết hôn. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh T, đến năm 2011 thì vợ chồng ra ăn ở riêng. Quả trình sống chung tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2012 thì vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Thọ bị di chứng sau chấn thương sọ não do tai nạn giao thông, thay đổi tính tình, vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên va chạm, cãi vã. Vợ chồng nhiều lần trao đổi nhưng tình cảm không được cải thiện. Mâu thuẫn căng thẳng đến tháng 6/2023 anh T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã A ở, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Tấn S, sinh ngày 21/02/2012 và cháu Trương Tuệ L, sinh ngày 28/3/2018. Hiện cả hai cháu đang ở cùng với chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Trương Văn T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt nên không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2024, anh Trương Văn Đ - là anh trai của anh Trương Văn T trình bày: Năm 2009 anh T kết hôn với chị N. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống cùng với gia đình nhà chồng tại thôn B, xã A, đến năm 2011 thì vợ chồng anh T ra ở riêng. Quá trình anh chị chung sống có mâu thuẫn gì hay không thì anh không nắm được, tuy nhiên từ tháng 6 năm 2023 thì anh T về nhà bố mẹ cũng là nhà anh ở thôn B, xã A ở, vợ chồng anh chị sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn anh T, quan điểm của anh là do anh chị tự quyết định. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Trương Tấn S, sinh ngày 21/02/2012 và cháu Trương Tuệ L, sinh ngày 28/3/2018, hiện cả hai cháu đang ở cùng với chị N. Hiện anh T đang đi làm công ty ở V, cũng thường xuyên về. Tòa án có gửi các Thông báo, giấy báo, anh T và gia đình đều nhận được nhưng do anh T bận công việc nên không đến Tòa án làm việc được.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày quan điểm.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi xét xử thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, quá trình thu thập chứng cứ tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành thời hạn xét xử đúng quy định. Tại phiên tòa, việc khai mạc phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu

của chị Đỗ Hồng N, cho chị N được ly hôn anh T. Về con chung giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp. Về tài sản, công nợ, công sức, đất canh tác: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Hồng N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Trương Văn T, anh T có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện V, tỉnh V (chỗ ở hiện nay: xã A, huyện V, tỉnh V). Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Trương Văn T, mặc dù anh T có mặt tại địa phương và biết việc chị N làm đơn xin ly hôn nhưng anh T cố tình gây khó khăn, không đến Tòa án để làm việc. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[3]. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Hồng N và anh Trương Văn T thấy rằng:

Chị Đỗ Hồng N và anh Trương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh V, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị N xác định đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã, đến tháng 6 năm 2023 vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân đã lâu nhưng không làm biện pháp gì để hòa giải. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, mặc dù anh T biết việc chị N có đơn xin ly hôn nhưng không hợp tác và không đến Tòa án để làm việc, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp.

[4]. Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Tấn S, sinh ngày 21/02/2012 và cháu Trương Tuệ L, sinh ngày 28/3/2018. Hiện cả hai cháu đang ở cùng với chị N. Ly hôn chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Hiện chị Nguyên đang trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, các cháu phát triển tâm sinh lý bình thường, chị Nguyên đủ điều kiện để nuôi dưỡng các cháu phát triển về mọi mặt; mặt khác quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Thọ không có mặt. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của các cháu về mọi mặt cần

giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

[5]. Về tài sản, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị N không yêu cầu giải quyết, đồng thời quá trình giải quyết vụ án anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu của đương sự.

[6]. Về án phí: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Cho chị Đỗ Hồng N được ly hôn chị anh Trương Văn T.

2. Giao cho chị Đỗ Hồng Nguyên trực tiếp tục nuôi cháu Trương Tấn S, sinh ngày 21/02/2012 và cháu Trương Tuệ L, sinh ngày 28/3/2018, hiện cả hai cháu đang ở cùng với chị N. Anh Trương Văn T không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

3. Chị Đỗ Hồng N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: 0004501 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã A, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (để biết);
- Các đương sự;
-LưuHSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trường Sơn